

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 9

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước - Công ty Sông Đà 9 - trực thuộc Tổng công ty Sông Đà theo Quyết định số 2195/QĐ-BXD ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006 với số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 0103010465, đăng ký thay đổi lần thứ 10 là ngày 08 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 37683746

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện; Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy thủy điện.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hải Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Đoàn Hùng Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Huế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hải Sơn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2019
Ông Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2021
Ông Quách Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2021
Ông Trần Thế Anh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Hải Sơn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

315-0
NHÂN
D. T. A
EM H. A
H. V. A
& C
H. A. N
A. T

Số: 2.0179/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Nguyễn Thị Tư - Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		919.152.407.513	1.087.987.404.957
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.417.189.795	24.409.280.109
1. Tiền	111		31.417.189.795	24.409.280.109
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		543.507.816.377	711.517.055.174
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	401.332.065.172	537.940.282.930
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	103.484.657.723	135.863.923.704
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	589.141.728
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	70.458.172.835	64.706.246.064
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(31.767.079.353)	(27.582.539.252)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		320.184.414.047	332.076.963.061
1. Hàng tồn kho	141	V.7	320.184.414.047	332.076.963.061
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.042.987.294	19.984.106.613
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.349.995.940	46.278.399
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.597.230.063	19.815.959.370
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		95.761.291	121.868.844
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		921.643.101.588	977.479.123.965
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		821.505.840.074	875.966.811.714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	816.893.340.074	871.354.311.714
- Nguyên giá	222		1.693.493.697.289	1.693.493.697.289
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(876.600.357.215)	(822.139.385.575)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.612.500.000	4.612.500.000
- Nguyên giá	228		4.692.500.000	4.692.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.000.000)	(80.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		538.703.802	538.703.802
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		538.703.802	538.703.802
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		95.640.436.286	96.991.955.628
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2a	85.347.816.852	85.347.816.852
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	31.412.940.000	31.412.940.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(21.120.320.566)	(19.768.801.224)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.958.121.426	3.981.652.821
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.026.894.472	2.789.410.193
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.10	931.226.954	1.192.242.628
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.840.795.509.101	2.065.466.528.922

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.245.629.591.698	1.474.667.299.406
I. Nợ ngắn hạn	310		720.670.876.263	1.044.966.722.070
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	151.437.990.321	161.323.727.441
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	115.960.642.250	173.121.883.412
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	27.267.154.720	22.030.191.004
4. Phải trả người lao động	314		12.386.039.886	15.576.236.507
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	98.712.906.484	129.632.586.704
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		617.628.063	390.100.684
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	80.714.296.711	101.156.984.728
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	230.573.755.456	436.692.804.822
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	3.000.462.372	5.042.206.768
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		524.958.715.435	429.700.577.336
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	6.782.748.810	6.782.748.810
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	518.175.966.625	422.917.828.526
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		595.165.917.403	590.799.229.516
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	595.165.917.403	590.799.229.516
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.400.709.579	21.400.709.579
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		219.965.678.005	219.965.678.005
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.459.529.819	7.092.841.932
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.235.045.048	7.092.841.932
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.224.484.771	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.840.795.509.101	2.065.466.528.922

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Minh Nghĩa

Trần Thế Anh

Nguyễn Hải Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	397.029.073.418	405.940.790.847
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		397.029.073.418	405.940.790.847
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	293.040.724.112	324.864.344.960
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.988.349.306	81.076.445.887
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.965.806.667	25.731.785.749
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	81.695.556.979	69.042.833.072
Trong đó: chi phí lãi vay	23		79.677.093.897	76.620.342.271
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	32.752.761.093	26.861.113.971
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.505.837.901	10.904.284.593
11. Thu nhập khác	31		903.334.000	187.046.504
12. Chi phí khác	32	VI.6	4.923.671.456	1.952.882.268
13. Lợi nhuận khác	40		(4.020.337.456)	(1.765.835.764)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.485.500.445	9.138.448.829
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	-	3.346.477.118
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.10	261.015.674	261.015.674
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.224.484.771	5.530.956.037
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Tông Giám đốc

Phùng Thị Minh Nghĩa

Trần Thế Anh

Nguyễn Hải Sơn



002
ANH
TY
HỮU H
TƯ V
C
NỘI
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.485.500.445	9.138.448.829
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		54.460.971.640	66.303.189.032
- Các khoản dự phòng	03		5.536.059.443	(7.340.443.875)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		624.837.268	(163.630.035)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.884.966.075)	(25.489.663.031)
- Chi phí lãi vay	06		79.677.093.897	76.620.342.271
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		125.899.496.618	119.068.243.191
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		161.672.510.799	62.315.759.268
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.892.549.014	(7.267.814.829)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(100.569.493.464)	(95.641.267.363)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.541.201.820)	195.072.613
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(80.389.158.470)	(71.896.549.784)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(408.457.257)	(1.523.329.927)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.764.441.280)	(1.064.830.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		112.791.804.140	4.185.283.169
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(5.059.901.098)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		589.141.728	1.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.694.216.686	23.614.535.626
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.283.358.414	20.154.634.528

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	141.672.829.179	167.848.460.821
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(252.713.114.406)	(198.243.390.414)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.026.944.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(131.067.229.227)	(30.394.929.593)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.007.933.327	(6.055.011.896)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	24.409.280.109	30.464.854.167
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(23.641)	(562.162)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	31.417.189.795	24.409.280.109

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Minh Nghĩa

Trần Thế Anh

Nguyễn Hải Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện; Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy thủy điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu có trụ sở chính tại xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 901	86 Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 905	Thôn Phiêng My, xã Bản Liễn, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai
Ban Quản lý dự án Thủy điện Pake	Thôn Lù Di Sán, xã Sán Chải, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 218 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 307 nhân viên)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của văn phòng và các đơn vị trực thuộc. Giao dịch và số dư giữa văn phòng và các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư khoản mục ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Riêng công nợ với bên liên quan, dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định cho từng công trình (CT), Hạng mục công trình (HMCT) như sau:

- ✓ Đối với CT, HMCT có khối lượng xây lắp hoàn thành được ghi nhận doanh thu trong kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh} \\ \text{doanh dở dang cuối kỳ} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} \times (1 - \text{Tỷ lệ lãi định mức})$$

Trong đó: tỷ lệ lãi định mức được Công ty xác định là 10% (kỳ trước là 10%). Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ được xác định trên cơ sở khối lượng dở dang cuối kỳ theo kết quả kiểm kê.

- ✓ Đối với CT, HMCT chưa có khối lượng xây lắp hoàn thành được ghi nhận doanh thu trong kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh} \\ \text{doanh dở dang cuối kỳ} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh} \\ \text{doanh dở dang đầu kỳ} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh} \\ \text{doanh phát sinh trong} \\ \text{kỳ của từng CT/HMCT} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí cốp pha

Chi phí cốp pha phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25
Máy móc và thiết bị	6 -15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	64.453.371	201.947.877
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.352.736.424	24.207.332.232
Cộng	31.417.189.795	24.409.280.109

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư vào Công ty con

Công ty đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu với giá gốc của khoản đầu tư là 85.347.816.852 VND (không thay đổi so với đầu năm) và giá trị hợp lý là 426.258.000.000 VND (đầu năm là 337.365.000.000 VND). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 10.710.000 cổ phiếu, tương đương 51,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, không thay đổi so với số đầu năm.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	18.628.000.000	(13.962.463.215)	4.665.536.785	18.628.000.000	(13.256.927.288)	5.371.072.712
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	5.784.940.000	(5.500.740.000)	284.200.000	5.784.940.000	(4.854.756.585)	930.183.415
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	3.000.000.000	(1.657.117.351)	-	3.000.000.000	(1.657.117.351)	-
Cộng	31.412.940.000	(21.120.320.566)	-	31.412.940.000	(19.768.801.224)	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản đầu tư này không thay đổi so với số đầu năm:

Tên Công ty	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	1.862.800	8,89%
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	245.000	4,90%
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	444.444	8,89%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	300.000	3,00%

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	19.768.801.224	27.389.072.034
Trích lập dự phòng bổ sung	1.351.519.342	19.388.823
Hoàn nhập dự phòng	-	(7.639.659.633)
Số cuối năm	21.120.320.566	19.768.801.224

Giao dịch với công ty con

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch nhận cổ tức từ Công ty con số tiền 23.562.000.000 VND (năm trước là 23.562.000.000 VND).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	200.077.444.876	357.299.057.985
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	186.065.896.311	324.834.893.526
Cơ quan Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	44.439.064.208	60.217.619.873
Ban điều hành dự án thủy điện Hủa Na	1.244.132.950	19.157.152.959
Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5	-	4.717.285.200
Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 1	43.378.986.276	79.046.763.972
Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 3	73.794.678.353	75.202.598.325
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	11.316.132.090	51.373.539.883
Ban điều hành dự án thủy điện Huội Quảng	3.096.318.885	3.720.788.950
Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu	8.796.583.549	31.399.144.364
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	156.415.889	156.415.889
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	503.182.908	503.182.908
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.318.541.468	1.410.740.135
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.409.533.985	5.167.973.985
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	3.940.834.022	18.751.692.294
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	5.683.040.293	5.683.040.293
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu	-	791.118.955
Công nghiệp Sông Đà	-	-
Phải thu các khách hàng khác	201.254.620.296	180.641.224.945
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	51.327.407.966	51.327.407.966
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita - Quảng Nam	2.576.756.212	3.038.980.379
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình	-	44.953.295.789
Giao thông Đô thị TP HCM	49.999.215.070	-
Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	18.260.498.474	19.495.047.362
Các khách hàng khác	79.090.742.574	61.826.493.449
Cộng	401.332.065.172	537.940.282.930

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	878.865.745	781.665.745
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	781.665.745	781.665.745
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	97.200.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	102.605.791.978	135.082.257.959
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	17.822.877.068	23.711.138.331
Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	34.614.624.641	34.614.624.641
Bồi thường giải phóng mặt bằng tỉnh Lào Cai	16.805.113.319	16.805.113.319
Công ty Cổ phần Đất Phù Sa	785.787.912	17.479.297.416
Các nhà cung cấp khác	32.577.389.038	42.472.084.252
Cộng	103.484.657.723	135.863.923.704

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	17.031.162.256	(6.550.617.775)	16.841.692.391	(933.237.899)
Tổng công ty Sông Đà - CTCP - Tiền dịch vụ	50.749.710	-	52.302.480	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào - Tiền lãi phải thu	1.317.941.568	(968.759.715)	1.317.941.568	(933.237.899)
Công ty Cổ phần điện Việt Lào - Tiền lãi chậm thanh toán	15.662.197.732	(5.581.858.060)	15.471.448.343	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	273.246	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	53.427.010.579	(5.416.444.193)	47.864.553.673	(5.416.444.193)
Các khoản ký quỹ, ký cược	2.290.697.707	-	2.315.261.054	-
Tạm ứng	34.510.579.553	(16.200.000)	31.291.886.390	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà - Tiền thuê văn phòng	3.375.669.603	(3.375.669.603)	3.375.669.603	(3.375.669.603)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.250.063.716	(2.024.574.590)	10.881.736.626	(2.040.774.590)
Cộng	70.458.172.835	(11.967.061.968)	64.706.246.064	(6.349.682.092)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	16.344.202.421	(16.308.680.605)	17.807.492.196	(17.771.970.380)
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	9.265.683.858	(9.265.683.858)	9.265.683.858	(9.265.683.858)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2	-	-	1.463.289.775	(1.463.289.775)
Phải thu khách hàng khác	7.078.518.563	(7.042.996.747)	7.078.518.563	(7.042.996.747)
Trả trước cho nhà cung cấp	3.491.336.780	(3.491.336.780)	3.491.336.780	(3.460.886.780)
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Thương mại dịch vụ 457	1.940.879.260	(1.940.879.260)	1.940.879.260	(1.940.879.260)
Các khoản ứng trước khác	1.550.457.520	(1.550.457.520)	1.550.457.520	(1.520.007.520)
Các khoản phải thu khác	22.396.583.493	(11.967.061.968)	6.734.385.761	(6.349.682.092)
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	3.375.669.603	(3.375.669.603)	6.734.385.761	(6.349.682.092)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	16.980.139.300	(6.550.617.775)	3.375.669.603	(3.375.669.603)
Các khoản phải thu khác	2.040.774.590	(2.040.774.590)	1.317.941.568	(933.237.899)
Cộng	42.232.122.694	(31.767.079.353)	28.033.214.737	(27.582.539.252)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	27.582.539.252	27.302.712.317
Trích lập dự phòng bổ sung	5.647.829.876	279.826.935
Hoàn nhập dự phòng	(1.463.289.775)	-
Số cuối năm	31.767.079.353	27.582.539.252

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.081.016.296	-	28.891.050.373	-
Công cụ, dụng cụ	542.168.391	-	607.361.169	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	292.561.229.360	-	302.578.551.519	-
<i>Công trình thủy điện XêKaMan 1</i>	<i>90.064.929.983</i>	<i>-</i>	<i>90.064.929.983</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thủy điện Namthuen 1</i>	<i>51.743.685.010</i>	<i>-</i>	<i>57.386.067.289</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thủy điện Tân Thượng</i>	<i>50.416.712.448</i>	<i>-</i>	<i>50.416.712.448</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thủy điện Tân Mỹ</i>	<i>32.839.051.166</i>	<i>-</i>	<i>36.038.421.712</i>	<i>-</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>67.496.850.753</i>	<i>-</i>	<i>68.672.420.087</i>	<i>-</i>
Cộng	320.184.414.047	-	332.076.963.061	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	848.192.059.273	550.383.848.840	292.541.496.518	2.376.292.658	1.693.493.697.289
Số cuối năm	<u>848.192.059.273</u>	<u>550.383.848.840</u>	<u>292.541.496.518</u>	<u>2.376.292.658</u>	<u>1.693.493.697.289</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	32.626.959.308	379.511.379.293	245.375.392.711	2.376.292.658	659.890.023.970
Chờ thanh lý		18.883.981.157	19.693.348.988	-	38.577.330.145
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	133.618.363.593	415.943.320.451	270.218.114.924	2.359.586.607	822.139.385.575
Khấu hao trong năm	32.603.613.396	14.065.364.106	7.775.288.087	16.706.051	54.460.971.640
Số cuối năm	<u>166.221.976.989</u>	<u>430.008.684.557</u>	<u>277.993.403.011</u>	<u>2.376.292.658</u>	<u>876.600.357.215</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	714.573.695.680	134.440.528.389	22.323.381.594	16.706.051	871.354.311.714
Số cuối năm	<u>681.970.082.284</u>	<u>120.375.164.283</u>	<u>14.548.093.507</u>	<u>-</u>	<u>816.893.340.074</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 814.469.834.094 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Nhà máy Thủy điện Pake được ghi theo giá trị quyết toán ước tính là 759.856.425.624 VND (nhà cửa vật kiến trúc: 626.686.233.034 VND; máy móc thiết bị: 133.170.192.590 VND). Giá trị này có thể thay đổi khi quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.612.500.000	80.000.000	4.692.500.000
Số cuối năm	<u>4.612.500.000</u>	<u>80.000.000</u>	<u>4.692.500.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	80.000.000	80.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	80.000.000	80.000.000
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>80.000.000</u>	<u>80.000.000</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.612.500.000	-	4.612.500.000
Số cuối năm	<u>4.612.500.000</u>	<u>-</u>	<u>4.612.500.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí khấu hao của toà nhà Sông Đà 9. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.192.242.628	1.453.258.302
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(261.015.674)	(261.015.674)
Số cuối năm	931.226.954	1.192.242.628

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (Năm trước thuế suất là 20%).

11. Phải trả người bán

11a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	5.180.156.619	3.562.567.202
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	22.061.140	22.061.140
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	843.973.964	843.973.964
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.040.602	32.433.208
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	597.988.387	597.988.387
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.411.439.257	1.015.702.346
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	130.470.486	130.470.486
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	719.937.671	919.937.671
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	1.452.245.112	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	146.257.833.702	157.761.160.239
Liên danh nhà thầu KHIDI- KEM	15.929.967.648	21.139.592.539
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	11.530.288.815	15.682.705.177
Công ty Cổ phần Xăng dầu Thụy Dương	8.277.616.457	14.350.732.839
Các nhà cung cấp khác	110.519.960.782	106.588.129.684
Cộng	151.437.990.321	161.323.727.441

11b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	602.691.813	602.691.813
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	602.691.813	602.691.813
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	6.180.056.997	6.180.056.997
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	3.921.534.169	3.921.534.169
Công ty Cổ phần Lilama 69-1 Phả Lại	2.258.522.828	2.258.522.828
Cộng	6.782.748.810	6.782.748.810

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>13.146.373.783</i>	<i>13.406.373.783</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	13.146.373.783	13.406.373.783
BDH DA Thủy điện Xecaman 3	-	260.000.000
Cơ quan Tổng công ty	13.146.373.783	13.146.373.783
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>102.814.268.467</i>	<i>159.715.509.629</i>
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông đô thị TP Hồ Chí Minh (UCCI)	29.852.640.602	43.254.335.382
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Đà Nẵng	-	29.935.733.000
Ban quản lý Dự án Điện lực dầu khí Long Phú 1	54.527.140.656	54.527.140.656
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Cấp nước, thoát nước và Môi trường TP Hà Nội	18.075.455.966	17.952.491.466
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	-	11.760.321.000
Các khách hàng khác	359.031.243	2.285.488.125
Cộng	115.960.642.250	173.121.883.412

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.734.668.419	-	17.003.518.052	(12.468.156.120)	19.270.030.351	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	978.206.030	-	710.236.274	(408.457.257)	1.279.985.047	-
Thuế thu nhập cá nhân	125.634.366	121.868.844	472.288.769	(166.393.461)	405.422.121	95.761.291
Thuế tài nguyên	4.660.856.808	-	15.665.220.113	(16.193.974.151)	4.132.102.770	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.215.201.732	-	1.070.301.007	(791.189.938)	1.494.312.801	-
Các loại thuế khác	30.976.903	-	501.666.325	(501.666.325)	30.976.903	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	284.646.746	-	405.380.642	(35.702.661)	654.324.727	-
Cộng	22.030.191.004	121.868.844	35.828.611.182	(30.565.539.913)	27.267.154.720	95.761.291

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế là giá bán lẻ điện thương phẩm là 1.864,44 đ/Kwh (áp dụng từ ngày 20/3/2019 theo quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương) và thuế suất là 5%.

Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Công ty phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Thu nhập từ Dự án thủy điện Pake được miễn thuế 04 năm (từ năm 2021 đến năm 2024), giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033) kể từ khi Dự án có thu nhập chịu thuế, hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm tính từ khi Dự án phát sinh doanh thu (từ năm 2021 đến năm 2035).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Thu nhập từ hoạt động SXKD	Thu nhập được ưu đãi thuế	Cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(22.963.978.290)	33.449.478.735	10.485.500.445
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:			
- Các khoản điều chỉnh tăng	20.423.315.468	17.698.295.042	38.121.610.509
- Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	20.423.315.468	17.698.295.042	38.121.610.509
Các khoản điều chỉnh tăng khác	16.402.978.012	17.698.295.042	34.101.273.053
- Các khoản điều chỉnh giảm	4.020.337.456	-	4.020.337.456
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.540.662.823)	51.119.184.221	48.578.521.399
Thu nhập được miễn thuế	(23.562.000.000)	(51.119.184.221)	(74.681.184.221)
Thu nhập tính thuế	-	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	10%	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	710.236.274	-	710.236.274
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	710.236.274	-	710.236.274

- (i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	5.120.366.419	6.011.804.952
Chi phí công trình	40.537.407.370	43.338.081.584
Chi phí xây dựng nhà máy Thủy điện Pake	52.950.132.695	80.177.700.168
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	105.000.000	105.000.000
Cộng	98.712.906.484	129.632.586.704

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>31.041.633.600</i>	<i>48.064.536.000</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP - Tiền cổ tức ^(*)	31.041.633.600	48.064.536.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>49.672.663.111</i>	<i>53.092.448.728</i>
Kinh phí công đoàn	203.360.994	896.017.328
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.871.549.577	7.261.189.283
Cổ tức phải trả các cổ đông khác ^(*)	36.228.122.400	34.097.064.000
Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Lào Cai ^(**)	1.831.095.540	2.361.317.184
Cổ tức các năm trước (Công ty Cổ phần Sông Đà 901 cũ)	64.200.750	64.200.750
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	319.977.925	319.977.925
Các quỹ tự nguyện	516.087.045	698.719.513
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.638.268.880	7.393.962.745
Cộng	80.714.296.711	101.156.984.728

(*) Là cổ tức phải trả từ năm 2018 đến năm 2020.

(**) Công ty phải nộp về tiền dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36VND/1kWh

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng^(*)</i>	<i>152.918.774.759</i>	<i>391.535.969.560</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông	124.924.175.759	176.609.796.849
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	-	20.190.071.394
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội ^(iv)	-	164.995.584.357
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	27.994.599.000	29.740.516.960
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	<i>3.132.280.697</i>	<i>2.966.035.262</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<i>74.522.700.000</i>	<i>42.190.800.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông	3.700.000.000	3.700.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	45.500.000.000	37.200.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	322.700.000	1.290.800.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	25.000.000.000	-
Cộng	230.573.755.456	436.692.804.822

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(*) Là các khoản vay ngắn hạn các Ngân hàng Thương mại, có thời gian từ 01 tháng đến 9 tháng, lãi suất từ 8,5% - 9,5%/năm theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Một số khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số TSCĐ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	391.535.969.560	2.966.035.262	42.190.800.000	436.692.804.822
Số tiền vay phát sinh trong năm	105.043.075.437	5.144.500.000	-	110.187.575.437
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	66.222.700.000	66.222.700.000
Lãi vay nhập gốc	-	179.373.960	-	179.373.960
Số tiền vay đã trả	(213.664.685.881)	(5.157.628.525)	(33.890.800.000)	(252.713.114.406)
Chuyển sang vay dài hạn do thay đổi thời gian vay	(129.995.584.357)	-	-	(129.995.584.357)
Số cuối năm	152.918.774.759	3.132.280.697	74.522.700.000	230.573.755.456

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông ⁽ⁱ⁾	2.775.000.000	6.475.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽ⁱⁱ⁾	410.405.382.268	416.120.128.526
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	322.700.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội ^(iv)	104.995.584.357	-
Cộng	518.175.966.625	422.917.828.526

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông để đầu tư cho dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công với lãi suất theo từng thời kỳ, thời gian vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai để thực hiện dự án "Xây dựng nhà máy thủy điện Pake" với lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ, thời hạn vay của dự án là 168 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2017 mã số XMTB.DA.SD9.01-2017 với lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội được cơ cấu lại theo Thỏa thuận cơ cấu lại khoản vay ngày 25 tháng 2 năm 2022. Theo đó, toàn bộ số nợ gốc tại ngày cơ cấu lại là 164.995.584.357 VND được gia hạn nợ đến 31 tháng 12 năm 2026.

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	422.917.828.526	437.784.184.195
Số tiền vay phát sinh trong năm	31.485.253.742	30.024.444.331
Chuyển từ vay ngắn hạn do thay đổi thời gian vay	129.995.584.357	-
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(2.700.000.000)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(66.222.700.000)	(42.190.800.000)
Số cuối năm	518.175.966.625	422.917.828.526

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	74.522.700.000	42.190.800.000
Trên 1 năm đến 5 năm	518.175.966.625	422.917.828.526
Cộng	592.698.666.625	465.108.628.526

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.294.867.893	442.476.483	(1.802.000.000)	935.344.376
Quỹ phúc lợi	2.747.338.875	110.619.121	(792.840.000)	2.065.117.996
Cộng	5.042.206.768	553.095.604	(2.594.840.000)	3.000.462.372

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn Cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	342.340.000.000	21.400.709.579	219.965.678.005	1.629.085.895	585.335.473.479
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	5.530.956.037	5.530.956.037
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(67.200.000)	(67.200.000)
Số dư cuối năm trước	342.340.000.000	21.400.709.579	219.965.678.005	7.092.841.932	590.799.229.516
Số dư đầu năm nay	342.340.000.000	21.400.709.579	219.965.678.005	7.092.841.932	590.799.229.516
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	10.224.484.771	10.224.484.771
Trích lập các quỹ	-	-	-	(553.095.604)	(553.095.604)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.135.100.000)	(5.135.100.000)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(169.601.280)	(169.601.280)
Số dư cuối năm nay	342.340.000.000	21.400.709.579	219.965.678.005	11.459.529.819	595.165.917.403

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	200.269.440.000	200.269.440.000
Các cổ đông khác	142.070.560.000	142.070.560.000
Cộng	342.340.000.000	342.340.000.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	34.234.000	34.234.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.234.000	34.234.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.234.000	34.234.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022 NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	VND
• Chia cổ tức (1,5%)	5.135.100.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	553.095.604
• Trích thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	169.601.280

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	91,53	329,48
Euro (EUR)	147,57	158,13

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	187.488.092.366	172.011.147.613
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	24.124.587.151	14.930.498.209
Doanh thu hợp đồng xây dựng	185.416.393.901	218.999.145.025
Cộng	397.029.073.418	405.940.790.847

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	54.449.115.917	65.034.230.664
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	18.507.435.617	7.070.183.517
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	220.084.172.578	252.759.930.779
Cộng	293.040.724.112	324.864.344.960

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.403.785.446	1.927.663.031
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.562.000.000	23.562.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.221	78.492.683
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	163.630.035
Cộng	24.965.806.667	25.731.785.749

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	79.677.093.897	76.620.342.271
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	624.837.268	-
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.351.519.342	(7.620.270.810)
Chi phí tài chính khác	42.106.472	42.761.611
Cộng	81.695.556.979	69.042.833.072

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	18.584.830.210	18.460.125.054
Chi phí vật liệu quản lý	959.700.630	773.029.099
Chi phí đồ dùng văn phòng	122.878.170	68.783.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	569.768.994	577.499.162
Thuế, phí và lệ phí	2.347.802.317	2.150.159.166
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	4.184.540.101	279.826.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.332.438.532	1.366.205.156
Các chi phí khác	4.650.802.139	3.185.485.979
Cộng	32.752.761.093	26.861.113.971

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền chậm nộp thuế, phạt hành chính về thuế	1.115.616.916	1.466.557.920
Chênh lệch thuế TNDN, TNCN theo thuế suất của Lào và Việt Nam	2.367.339.375	-
Phạt chậm nộp BHXH	340.024.748	396.560.193
Chi phí khác	1.100.690.417	89.764.155
Cộng	4.923.671.456	1.952.882.268

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.069.269.117	73.533.823.412
Chi phí nhân công	18.637.284.076	25.556.606.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.891.202.646	65.725.689.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.742.407.442	71.215.340.766
Chi phí khác	33.777.993.659	83.581.901.317
Cộng (*)	252.118.156.940	319.613.361.679

(*) Chi phí này không bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay nhập gốc	179.373.960	216.339.898

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có phát sinh công nợ và không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc					
Trần Thế Quang	Chủ tịch	540.000.000	-	-	540.000.000
Nguyễn Hải Sơn	Thành viên	480.000.000	-	60.000.000	540.000.000
Phạm Văn Quân	Thành viên	-	-	60.000.000	60.000.000
Lê Hải Đoàn	Thành viên	-	-	60.000.000	60.000.000
Đoàn Hùng Trường	Thành viên	-	-	60.000.000	60.000.000
Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám Đốc	420.000.000	-	-	420.000.000
Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	420.000.000	-	-	420.000.000
Quách Mạnh Hải	Phó Tổng Giám Đốc	410.455.000	-	-	410.455.000
Trần Thế Anh	Kế toán trưởng	384.000.000	-	-	384.000.000
Ban Kiểm soát					
Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng ban	-	-	84.000.000	84.000.000
Lương Thế Lăng	Thành viên	243.273.000	-	36.000.000	279.273.000
Nguyễn Thị Thanh Huế	Thành viên	161.243.000	-	36.000.000	197.243.000
Cộng		3.058.971.000		396.000.000	3.454.971.000
Năm trước					
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc					
Trần Thế Quang	Chủ tịch	493.452.000	6.000.000	54.828.000	554.280.000
Nguyễn Hải Sơn	Thành viên	438.624.000	6.000.000	54.828.000	499.452.000
Nguyễn Gia Hân	Thành viên	-	500.000	25.586.400	26.086.400
	(đến 18/6/2021)				
Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên	-	500.000	25.586.400	26.086.400
	(đến 18/6/2021)				
Phạm Văn Quân	Thành viên	-	-	54.828.000	54.828.000
Lê Hải Đoàn	Thành viên	-	-	29.241.600	29.241.600
	(từ 18/6/2021)				
Đoàn Hùng Trường	Thành viên	-	-	29.241.600	29.241.600
	(từ 18/6/2021)				
Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám Đốc	383.796.000	6.000.000	-	389.796.000
Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	383.796.000	5.000.000	-	388.796.000
Quách Mạnh Hải	Phó Tổng Giám Đốc	284.109.000	5.000.000	-	289.109.000
Trần Thế Anh	Kế toán trưởng	107.964.000	6.000.000	-	113.964.000
	(từ 18/6/2021)				

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ban Kiểm soát					
Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng ban (từ 18/6/2021)	-	-	56.290.080	56.290.080
Vũ Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban (đến 18/6/2021)	118.538.136	500.000	-	119.038.136
Lương Thế Lãng	Thành viên	235.249.500	4.000.000	32.896.800	272.146.300
Nguyễn Thị Thanh Huế	Thành viên (từ ngày 18/6/2021)	108.383.000	6.000.000	17.544.960	131.927.960
Cộng		2.553.911.636	45.500.000	380.871.840	2.980.283.476

1b. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Công ty con gián tiếp
Các Công ty con và Công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác không phải công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu xây lắp, bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	(9.464.382.223)	(6.477.379.699)
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	137.994.653	156.956.164
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	-	3.585.382.354
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	1.533.209.363
Giá trị xây lắp hoàn thành, mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	-	1.032.334.968
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	-	61.782.855
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	-	1.400.261.708
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	159.600.000	60.252.708
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	645.736.911	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.11, V.12 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có 02 lĩnh vực kinh doanh chính là Xây lắp và Sản xuất điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp và dịch vụ	Sản xuất điện	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	209.540.981.052	187.488.092.366	397.029.073.418
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	209.540.981.052	187.488.092.366	397.029.073.418
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(29.050.627.143)	133.038.976.449	103.988.349.306
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(19.487.043.321)	(13.265.717.772)	(32.752.761.093)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(48.537.670.464)	119.773.258.677	71.235.588.213
Doanh thu hoạt động tài chính	24.964.133.458	1.673.209	24.965.806.667
Chi phí tài chính	(17.637.368.412)	(64.058.188.567)	(81.695.556.979)
Thu nhập khác	903.334.000	-	903.334.000
Chi phí khác	(4.898.895.753)	(24.775.703)	(4.923.671.456)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(261.015.674)		(261.015.674)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(45.467.482.845)	55.691.967.616	10.224.484.771
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	1.407.516.369	1.407.516.369
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.468.447.027	44.352.147.492	55.820.594.519
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	233.929.643.234	172.011.147.613	405.940.790.847
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	233.929.643.234	172.011.147.613	405.940.790.847
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(25.838.821.591)	106.915.267.478	81.076.445.887
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(14.791.584.809)	(12.069.529.162)	(26.861.113.971)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(40.630.406.400)	94.845.738.316	54.215.331.916
Doanh thu hoạt động tài chính	25.730.662.033	1.123.716	25.731.785.749
Chi phí tài chính	(5.629.663.472)	(63.413.169.600)	(69.042.833.072)
Thu nhập khác	158.819.000	28.227.504	187.046.504
Chi phí khác	(1.926.518.884)	(26.363.384)	(1.952.882.268)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(3.346.477.118)		(3.346.477.118)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(261.015.674)		(261.015.674)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(25.904.600.515)	31.435.556.552	5.530.956.037
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	479.721.850	-	479.721.850
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.404.218.576	53.340.301.797	66.744.520.373

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Xây lắp và dịch vụ</u>	<u>Sản xuất điện</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	919.164.898.066	825.061.374.895	1.744.226.272.961
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			96.571.663.240
Tổng tài sản			1.840.797.936.201
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	754.503.290.471	488.125.838.855	1.242.629.129.326
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			3.000.462.372
Tổng nợ phải trả			1.245.629.591.698
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.110.166.351.073	857.115.979.593	1.967.282.330.666
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	98.184.198.256
Tổng tài sản			2.065.466.528.922
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	981.162.181.434	488.462.911.204	1.469.625.092.638
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	5.042.206.768
Tổng nợ phải trả			1.474.667.299.406

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Thị Minh Nghĩa

Trần Thế Anh

Nguyễn Hải Sơn

